

CHÍNH PHỦ
Số: 77-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 1996

NGHỊ ĐỊNH

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chưa gây thiệt hại hoặc đã gây thiệt hại đến rừng, đất rừng, lâm sản, môi trường rừng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này và các quy định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có liên quan.

Điều 2. Lâm sản quy định tại Nghị định này gồm:

- Gỗ rừng các loại gồm gỗ quý hiếm và gỗ thông thường theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các sản phẩm chế biến từ gỗ.
- Lâm sản khác gồm thực vật rừng (ngoài Khoản 1 Điều này), động vật rừng, loại quý hiếm và thông thường theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và sản phẩm chế biến từ các loại lâm sản đó.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng mức xử phạt:

- Trong trường hợp người vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì mức phạt tiền là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định áp dụng đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt tiền có thể giảm xuống thấp hơn nhưng không được thấp quá mức tối thiểu của khung tiền phạt quy định áp dụng đối với hành vi đó; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức phạt tiền có thể tăng cao hơn nhưng không được vượt qua mức tối đa của khung tiền phạt quy định áp dụng đối với hành vi đó.
- Những trường hợp vi phạm quy định dưới đây thì không thuộc phạm vi xử phạt vi phạm hành chính mà chuyển sang truy cứu trách nhiệm hình sự:
 - Hành vi vi phạm mà mức độ gây thiệt hại vượt quá mức độ tối đa thuộc phạm vi xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi hành vi quy định tại các Điều từ Điều 4 đến Điều 14, Chương II của Nghị định này.
 - Khai thác, săn bắt, vận chuyển, mua, bán trái phép thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm có giá trị đặc biệt về nhiều mặt theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG II

CÁC HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC ĐỘ XỬ PHẠT

VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 4. Phá rừng trái phép là hành vi phá rừng với bất kỳ mục đích gì mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc được phép nhưng làm không đúng quy định cho phép; bị xử phạt khi gây thiệt hại ở từng loại rừng với mức độ sau đây:

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng:

- a. Phá rừng sản xuất: đến 0,05 ha.
- b. Phá rừng phòng hộ: đến 0,02 ha.
- c. Phá rừng đặc dụng: đến 0,01 ha.

2. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng:

- a. Phá rừng sản xuất: từ trên 0,05 ha đến 0,3.
- b. Phá rừng phòng hộ: từ trên 0,02 ha đến 0,1 ha.
- c. Phá rừng đặc dụng: Từ trên 0,01 ha đến 0,05 ha.

3. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng:

- a. Phá rừng sản xuất: từ trên 0,3 ha đến 0,7 ha.
- b. Phá rừng phòng hộ: từ trên 0,1 ha đến 0,3 ha.
- c. Phá rừng đặc dụng: Từ trên 0,05 ha đến 0,2 ha.

4. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng:

- a. Phá rừng sản xuất: từ trên 0,7 ha đến 1 ha.
- b. Phá rừng phòng hộ: từ trên 0,3 ha đến 0,5 ha.
- c. Phá rừng đặc dụng: Từ trên 0,2 ha đến 0,3 ha.

5. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt tiền, còn bị tịch thu lâm sản, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi là phương tiện vi phạm), buộc trồng lại rừng hoặc chịu chi phí trồng lại rừng.

Điều 5. Khai thác rừng trái phép là hành vi chặt cây rừng, lấy lâm sản không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc cho phép nhưng đã vi phạm các quy định về quản lý khai thác rừng, quản lý lâm sản; bị xử phạt khi có một trong các hành vi khai thác rừng trái phép với khối lượng hoặc giá trị lâm sản ở từng loại rừng sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi mang công cụ phương tiện khai thác vào rừng mà không có giấy phép khai thác lâm sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khai thác trái phép vào rừng sản xuất: gỗ thông thường đến 1m³; củi đến 2 st; lâm sản khác có giá trị đến 100.000 đồng (theo giá trị thị trường địa phương).

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép vào rừng sản xuất: gỗ thông thường từ trên 1m³ đến 2m³; củi từ trên 2 st đến 5 st; lâm sản khác có giá trị từ trên 100. 000 đến 400.000 đồng.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng:

- a. Gỗ tròn thông thường ở rừng sản xuất từ trên 2m³ đến 7m³; ở rừng phòng hộ đến 5m³; ở rừng đặc dụng đến 4m³.
- b. Gỗ tròn quý hiếm: đến 1m³ (áp dụng chung cho cả 3 loại rừng).
- c. Củi: từ trên 5st đến 20st.
- d. Lâm sản khác: có giá trị từ trên 400.000 đến 2.000.000 đồng.

e. Người được phép khai thác rừng vi phạm quy định về bảo vệ rừng trong khai thác rừng (không phát luống dây leo, chặt cao gốc, không dọn vệ sinh rừng sau khai thác...) với diện tích đến 5 ha.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng:

- a. Gỗ tròn thông thường: ở rừng sản xuất từ trên 7m³ đến 15m³; ở rừng phòng hộ từ trên 5m³ đến 12m³; ở rừng đặc dụng từ trên 4m³ đến 10m³.
- b. Gỗ tròn quý hiếm từ trên 1m³ đến 5m³.

c. Củi: từ trên 20st đến 70st.

d. Lâm sản khác: có giá trị từ trên 2.000.000 đến 8.000.000 đồng.

e. Người được phép khai thác rừng vi phạm quy định về bảo vệ rừng trong khai thác rừng với diện tích từ trên 5 ha đến 15 ha.

5. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng:

a. Gỗ tròn thông thường ở rừng sản xuất từ trên 15m³ đến 25m³; ở rừng phòng hộ từ trên 12m³ đến 20m³; ở rừng đặc dụng từ trên 10m³ đến 15m³.

b. Gỗ tròn quý hiếm: từ trên 5m³ đến 10m³.

c. Củi: từ trên 70st đến 150st.

d. Lâm sản khác: có giá trị từ trên 8.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

e. Người được phép khai thác rừng vi phạm quy định về bảo vệ rừng trong khai thác rừng với diện tích từ trên 15 ha đến 40 ha.

6. Trường hợp khai thác trái phép vào rừng cây còn non không tính được khối lượng từng cây bằng m³ thì đo diện tích bị chặt phá và chuyển sang xử lý theo hành vi "Phá rừng trái phép" quy định tại Điều 4 của Nghị định này; nếu là khai thác phân tán không tính được diện tích bị chặt phá, thì mới đo gộp số cây bị chặt phá tính bằng ster, quy ra m³ và tùy theo loại gỗ mà xử phạt như quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều này.

7. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, còn bị tịch thu lâm sản, phương tiện vi phạm, tước quyền sử dụng giấy phép khai thác lâm sản.

Điều 6. Phát đốt rừng trái phép để làm nương rẫy là hành vi phát đốt rừng để làm nương rẫy ra ngoài vùng quy định; bị xử phạt khi gây thiệt hại ở từng loại rừng với mức độ sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng:

a. Phát đốt rừng sản xuất: đến 0,2 ha.

b. Phát đốt rừng phòng hộ: đến 0,1 ha.

c. Phát đốt rừng đặc dụng: đến 0,05 ha.

2. Phạt tiền từ trên 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng:

a. Phát đốt rừng sản xuất: từ trên 0,2 ha đến 0,5 ha.

b. Phát đốt rừng phòng hộ: từ trên 0,1 đến 0,3 ha.

c. Phát đốt rừng đặc dụng: từ trên 0,05 đến 1 ha.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng:

a. Phát đốt rừng sản xuất: từ trên 0,5 ha đến 1 ha.

b. Phát đốt rừng phòng hộ: từ trên 0,3 đến 0,5 ha.

c. Phát đốt rừng đặc dụng: từ trên 0,1 đến 0,3 ha.

4. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, còn bị tịch thu lâm sản, phương tiện vi phạm, buộc trồng lại rừng hoặc chịu chi phí trồng lại rừng.

Điều 7. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng là hành vi vi phạm những quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc gây cháy rừng; bị xử phạt khi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng:

a. Đốt lửa trong rừng đã có quy định cấm.

b. Mang chất nổ, chất dễ cháy vào rừng đã có quy định cấm.

c. Ném, xả tàn lửa vào rừng đã có quy định cấm.

2. Phạt tiền từ trên 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi chủ rừng không chấp hành đầy đủ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi gây cháy rừng:

a. Rừng sản xuất: đến 0,3 ha.

b. Rừng phòng hộ: đến 0,1 ha.

c. Rừng đặc dụng: đến 0,05 ha.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi gây cháy rừng:

a. Rừng sản xuất: từ 0,3 ha đến 1 ha.

b. Rừng phòng hộ: từ 0,1 ha đến 0,5 ha.

c. Rừng đặc dụng: từ 0,5 ha đến 0,2 ha.

5. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi gây cháy rừng:

a. Rừng sản xuất: từ trên 1 ha đến 2 ha.

b. Rừng phòng hộ: từ trên 0,5 ha đến 1 ha.

c. Rừng đặc dụng: từ trên 0,2 ha đến 0,5 ha.

6. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, còn bị buộc trồng lại rừng hoặc chịu chi phí trồng lại rừng.

Điều 8. Vi phạm quy định về phòng, trừ sâu bệnh hại rừng là hành vi của chủ rừng không chấp hành đầy đủ các biện pháp về phòng, trừ để dịch sâu bệnh gây thiệt hại đến rừng; bị xử phạt khi để rừng bị thiệt hại với mức độ sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng khi để rừng bị thiệt hại đến 1 ha.

2. Phạt tiền từ trên 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi để rừng bị thiệt hại từ trên 1 ha đến 5 ha.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi để rừng bị thiệt hại từ trên 5 ha đến 10 ha.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi để rừng bị thiệt hại từ trên 10 ha đến 20 ha.

5. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền còn bị buộc khắc phục hậu quả do sâu bệnh gây ra.

Điều 9. Chăn thả trái phép gia súc vào rừng là hành vi chăn thả gia súc vào khu rừng non mới trồng, mới dặm cây non, rừng khoanh nuôi, rừng đặc dụng đã có quy định cấm chăn thả gia súc, gây thiệt hại đến rừng; bị xử phạt khi để gia súc phá hại vào các loại rừng với mức độ sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng.

a. Rừng sản xuất: đến 0,3 ha.

b. Rừng phòng hộ: đến 0,2 ha.

c. Rừng đặc dụng: đến 1 ha.

2. Phạt tiền từ trên 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng:

a. Rừng sản xuất: từ trên 0,3 ha đến 1 ha.

b. Rừng phòng hộ: từ trên 0,2 ha đến 0,5 ha.

c. Rừng đặc dụng: từ trên 0,1 ha đến đến 0,3 ha.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng:

a. Rừng sản xuất: từ trên 1 ha đến 2 ha.

b. Rừng phòng hộ: từ trên 0,5 ha đến 1 ha.

c. Rừng đặc dụng: từ trên 0,3 ha đến đến 0,5 ha.

4. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, còn bị buộc trồng lại rừng hoặc chịu chi phí trồng lại rừng.

Điều 10. Săn bắt trái phép động vật rừng là hành vi săn bắt động vật rừng, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc được phép nhưng đã vi phạm các quy định về quản lý động vật rừng (loài cấm, khu vực cấm, mùa cấm, phương pháp và phương tiện cấm sử dụng, sai chủng loại hoặc vượt quá số lượng cho phép); bị xử phạt khi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng:

a. Săn bắt động vật rừng không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b. Sử dụng phương pháp, phương tiện săn bắt cấm sử dụng.

2. Phạt tiền từ trên 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng:

- a. Săn bắt động vật rừng vi phạm vào khu vực cấm săn bắt.
- b. Săn bắt động vật rừng vi phạm vào mùa cấm săn bắt.

3. Phạt tiền từ trên 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng:

- a. Săn bắt động vật rừng quý hiếm trái quy định của pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
- b. Hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và săn bắt động vật rừng thông thường với số lượng lớn mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc bị phạt tiền còn bị tịch thu động vật rừng đã săn bắt trái phép, phương tiện vi phạm, tước quyền sử dụng giấy phép săn bắt động vật rừng.

Điều 11. Gây thiệt hại đất rừng là hành vi vi phạm quy định về bảo vệ đất rừng như đào bới, nổ mìn, làm mất lớp màu mỡ của đất rừng; đào đắp ngăn nguồn sinh thủy, tháo nước, xả chất độc hại vào rừng; bị xử phạt khi gây thiệt hại đến các loại đất rừng với mức độ sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng khi phát hiện hành vi vi phạm nhưng chưa gây thiệt hại đến đất rừng.

2. Phạt tiền từ trên 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng:

- a. Đất rừng sản xuất: đến 0,2 ha.
- b. Đất rừng phòng hộ: đến 0,1 ha.
- c. Đất rừng đặc dụng: đến 0,05 ha.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng:

- a. Đất rừng sản xuất: từ trên 0,2 ha đến 1 ha.
- b. Đất rừng phòng hộ: từ trên 0,1 ha đến 0,6 ha.
- c. Đất rừng đặc dụng: từ trên 0,05 ha đến đến 0,3 ha.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng:

- a. Đất rừng sản xuất: từ trên 1 ha đến 2 ha.
- b. Đất rừng phòng hộ: từ trên 0,6 ha đến 1,2 ha.
- c. Đất rừng đặc dụng: từ trên 0,3 ha đến đến 0,7 ha.

4. Người vi phạm quy định tại Điều này, ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền còn bị buộc khắc phục hậu quả đã gây ra.

Điều 12. Vận chuyển, mua, bán trái phép lâm sản là hành vi vận chuyển, mua, bán lâm sản không có nguồn gốc khai thác, mua, bán hợp pháp hoặc loại lâm sản không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng; bị phạt khi có hành vi vi phạm với khối lượng hoặc giá trị lâm sản sau đây:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng:

- a. Gỗ thông thường đến 1m³ quy tròn;
- b. Củi: đến 2st.
- c. Lâm sản khác: có giá trị đến 100.000 đồng (theo giá trị thị trường địa phương).

2. Phạt tiền từ trên 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng:

- a. Gỗ thông thường: từ trên 1m³ đến 3m³ quy tròn;
- b. Gỗ quý hiếm: đến 0,5 m³ quy tròn
- c. Củi: từ trên 2st đến 6st.
- d. Lâm sản khác: có giá trị từ trên 100.000 đồng đến 500.000 đồng.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng:

- a. Gỗ thông thường: từ trên 3m³ đến 10m³ quy tròn;
- b. Gỗ quý hiếm: từ trên 0,5 m³ đến 3 m³ quy tròn
- c. Củi: từ trên 6st đến 25st.